

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 24/2025/KDTM-PT
Ngày 31 - 3 - 2025
V/v Tranh chấp giữa cổ đông với người
quản lý công ty.

**NHÂN DANH NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Thanh Dũng

Các Thẩm phán: Ông Phan Nhật Bình

Bà Hồ Thị Thanh Thúy

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Tiến Thảo - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao
tại Thành phố Hồ Chí Minh.

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh
tham gia phiên tòa:** Ông Hà Văn Hùng - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 3 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố
Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số
69/2024/TLPT-KDTM ngày 07 tháng 10 năm 2024 về việc “Tranh chấp giữa cổ
đông với người quản lý công ty”.

Do Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 43/2024/KDTM-ST ngày 22
tháng 3 năm 2024 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 22/2025/QĐ-PT ngày
04 tháng 02 năm 2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn:

1/. Ông Lê Hồng P, sinh năm 1989. (vắng mặt)

Địa chỉ: 1 N, Phường I, Quận E, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Quang H, sinh năm 1976; Địa
chỉ liên hệ: 3 N, phường T, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh (theo Giấy ủy quyền
ngày 20/11/2023). (có mặt)

2/. Ông Trần Phi Đ, sinh năm 1988. (vắng mặt)

Địa chỉ: A Đ, phường T, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Quang H, sinh năm 1976; Địa chỉ liên hệ: 3 N, phường T, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh (theo Giấy ủy quyền ngày 10/01/2024). (có mặt)

- *Bị đơn:* Bà Nguyễn Thị Yến H1, sinh năm 1984. (có mặt)

Địa chỉ: T, B12.01, số A Xa lộ H, phường T, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Ngô Đoàn Quang V; Tầng 6, số B Đ, Phường V, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh (theo Giấy ủy quyền ngày 03/4/2024). (có mặt)

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp: Luật sư Lê Ngọc L, Luật sư Đinh Trần Minh Đ1 – thuộc Đoàn luật sư Thành phố H. (Luật sư L có mặt)

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1/. Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Danshari

Địa chỉ: A L, phường B, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Thị Yến H1, sinh năm 1984; địa chỉ: T, B12.01, số A Xa lộ H, phường T, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh. (có mặt)

2/. Bà Nguyễn Thị Thùy T, sinh năm 1983. (vắng mặt)

Địa chỉ: B, Chung cư C T, phường T, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

3/. Ông Bùi Văn B, sinh năm 1984. (vắng mặt)

Địa chỉ: 4 L, Phường A, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Người kháng cáo:* Bà Nguyễn Thị Yến H1.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn ông Lê Hồng P, ông Trần Phi Đ trình bày:

Ngày 28/5/2019 ông Lê Hồng P, ông Trần Phi Đ và bà Nguyễn Thị Yến H1 cùng góp vốn thành lập Công ty Cổ phần T2 (sau đây gọi tắt là Công ty T2) với số vốn góp và tỷ lệ góp vốn như sau:

- Bà Nguyễn Thị Yến H1 sở hữu 30.000 cổ phần, tương đương 300.000.000 đồng, chiếm 33,33% vốn điều lệ;

- Ông Lê Hồng P sở hữu 30.000 cổ phần, tương đương 300.000.000 đồng, chiếm 33,33% vốn điều lệ;

- Ông Trần Phi Đ sở hữu 30.000 cổ phần, tương đương 300.000.000 đồng, chiếm 33,33% vốn điều lệ;

Do ông P, ông Đ không thường xuyên có mặt tại Việt Nam nên để việc điều hành hoạt động của Công ty T2 được thuận lợi, các cổ đông thống nhất bầu bà H1 là Chủ tịch Hội đồng quản trị và Giám đốc. Tuy nhiên trong quá trình quản lý, bà H1 đã vi phạm trách nhiệm quản lý công ty, cụ thể:

- Vào đầu tháng 8/2022, khi rà soát hoạt động của Công ty T2 qua sổ sách kế toán, ông P, ông Đ phát hiện tài khoản Công ty T2 có một giao dịch chuyển 250.000.000 đồng từ tài khoản công ty cho bà Nguyễn Thị Thùy T. Theo bà H1 giải thích khoản tiền này chuyển cho bà T là để thanh toán cho khoản vay theo Hợp đồng mượn tiền ngày 01/2/2021 và Hợp đồng mượn tiền ngày 04/01/2022 phát sinh trong quá trình vận hành hoạt động kinh doanh của công ty do nguồn vốn công ty không đủ. Tuy nhiên vào thời điểm này ông P, ông Đ không hề nhận được bất cứ thông tin nào từ bà H1 về việc thiếu vốn của công ty và bà H1 cũng không thông báo cho các cổ đông về việc vay tiền của bà T, cũng không cung cấp được thông tin, tài liệu chứng minh việc nhận và sử dụng khoản tiền này.

Do đó, ông P, ông Đ yêu cầu Tòa án giải quyết: Buộc bà H1 hoàn trả lại số tiền 250.000.000 đồng cho Công ty T2.

Ông P, ông Đ xin rút yêu cầu khởi kiện về việc:

+ Buộc bà H1 bồi thường thiệt hại cho Công ty T2 đối với những thiệt hại phát sinh do hành vi vi phạm trách nhiệm quản lý công ty với số tiền tạm tính là 62.887.500 đồng. Số tiền cụ thể mà bà H1 phải bồi thường được xác định theo bản án, quyết định của Tòa án nhân dân có thẩm quyền.

+ Buộc bà H1 thực hiện đúng các nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật – Giám đốc Công ty T2 được quy định tại Luật Doanh nghiệp, các văn bản hướng dẫn và điều lệ công ty, cụ thể: Tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị; Tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh và phương án đầu tư của công ty; Điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của công ty theo đúng quy định của pháp luật, điều lệ công ty, hợp đồng lao động ký với công ty, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị; Đại diện cho công ty với tư cách bị đơn trước Tòa án; Thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp tối đa của công ty.

Bị đơn bà Nguyễn Thị Yến H1 trình bày:

Tháng 12/2020 là thời điểm dịch Covid-19 bắt đầu bùng phát, Công ty T2 mới đi vào hoạt động chưa có nguồn doanh thu ổn định, hơn nữa kinh tế của các doanh nghiệp cũng bị ảnh hưởng nghiêm trọng bởi Covid-19. Vì vậy, để có nguồn vốn phục vụ cho hoạt động kinh doanh, Công ty T2 đã đứng ra mượn của ông Bùi Văn B số tiền 250.000.000 đồng. Đến đầu năm 2021, ông B có nhu cầu lấy lại khoản tiền này nên đã yêu cầu Công ty T2 hoàn trả, tuy nhiên lúc này Công ty T2 không đủ số tiền nêu trên để trả nên đã mượn của bà Nguyễn Thị Thùy T số tiền 150.000.000 đồng để trả cho ông B vào ngày 01/02/2021, ông B xác nhận đã nhận đủ số tiền này. Sau đó, ông B yêu cầu hoàn trả số tiền còn lại (100.000.000 đồng) nên ngày 04/01/2022, Công ty T2 đã mượn tiếp của bà Nguyễn Thị Thùy T số tiền 100.000.000 đồng để trả cho ông B. Tổng số tiền mà Công ty D của bà T là 250.000.000 đồng. Đến ngày 10/8/2022, Công ty T2 đã trả cho bà T thông qua 02 ủy nhiệm chi tại Ngân hàng V1 - Chi nhánh T3.

Như vậy, số tiền 250.000.000 đồng nêu trên là khoản nợ của Công ty T2. Hiện nay, Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đang giải quyết phá sản đối với Công ty T2 nên các nghĩa vụ trả nợ của Công ty T2 sẽ được giải quyết theo quy định tại Điều 41 Luật Phá sản và theo quyết định của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Do đó, bị đơn đề nghị Tòa án đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu khởi kiện liên quan tới số tiền 250.000.000 đồng theo quy định của pháp luật.

Theo Bản tự khai ngày 08/12/2023 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Công ty Cổ phần T2 thống nhất với ý kiến và yêu cầu của bị đơn.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Nguyễn Thị Thùy T, ông Bùi Văn B mặc dù được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng không đến Tòa để trình bày ý kiến.

Tại Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 43/2024/KDTM-ST ngày 22 tháng 3 năm 2024, Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã quyết định:

- Căn cứ khoản 4 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 37, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 244, Điều 266, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ các Điều 162 và 165 Luật Doanh nghiệp năm 2020;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1/. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn ông Lê Hồng

P, ông Trần Phi Đ về việc: Buộc bà Nguyễn Thị Yến H1 bồi thường thiệt hại cho Công ty Cổ phần T2 đối với những thiệt hại phát sinh do hành vi vi phạm trách nhiệm quản lý công ty với số tiền tạm tính là 62.887.500 đồng. Số tiền cụ thể mà bà Nguyễn Thị Yến H1 phải bồi thường được xác định theo bản án, quyết định của Tòa án nhân dân có thẩm quyền; Buộc bà Nguyễn Thị Yến H1 thực hiện đúng các nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật – Giám đốc Công ty Cổ phần T2 được quy định tại Luật Doanh nghiệp, các văn bản hướng dẫn và điều lệ công ty, cụ thể: Tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị; Tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh và phương án đầu tư của công ty; Điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của công ty theo đúng quy định của pháp luật, điều lệ công ty, hợp đồng lao động ký với công ty, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị; Đại diện cho công ty với tư cách bị đơn trước Tòa án; Thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp tối đa của công ty.

2/. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn ông Lê Hồng P, ông Trần Phi Đ.

2.1/. Buộc bà Nguyễn Thị Yến H1 bồi thường thiệt hại số tiền 250.000.000 (Hai trăm năm mươi triệu) đồng cho Công ty Cổ phần T2.

2.2/. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí, trách nhiệm thi hành án và quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 05/4/2024, bị đơn bà Nguyễn Thị Yến H1 có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Người đại diện theo ủy quyền và người bảo vệ quyền lợi của bị đơn trình bày: Căn cứ vào Điều lệ công ty và các quy định của Luật Doanh nghiệp thì việc bà H1 nhân danh Công ty T2 ký hợp đồng mượn tiền với ông B, bà T để phục vụ cho công việc kinh doanh hằng ngày và những hoạt động phát sinh của Công Ty T2 không thuộc trường hợp phải được Hội đồng quản trị thông qua, bà H1 với vai trò là Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Giám đốc – người đại diện theo pháp luật của Công ty có toàn quyền quyết định trong trường hợp này. Số tiền 250.000.000

đồng thực tế đã được sử dụng vào mục đích phục vụ cho hoạt động của Công ty T2 nên không có việc Công ty T2 bị thiệt hại. Tại Bút lục 238 thể hiện ngày 16/12/2020 bà H1 đã nộp tiền mặt số tiền 438.603.019 đồng (gồm số tiền 250.000.000 đồng đã mượn từ ông B và tiền của cá nhân bà H1 bỏ ra) và chuyển khoản số tiền 50.000.000 đồng với nội dung “Hang nop tien mat 50tr (tra thau)” vào Công ty T2. Ngay sau đó, Công ty T2 đã thực hiện lệnh chuyển số tiền 559.944.355 đồng với nội dung “Danshari thanh toan quyet toan theo HD so 002/2020/HDTC/TAC-DAN va phu luc so 01”. Không có căn cứ cho rằng việc bà H1 chuyển tiền trả nợ cho bà T gây thiệt hại cho Công ty. Tòa án cấp sơ thẩm buộc bà H1 phải bồi thường thiệt hại cho Công ty T2 là không có căn cứ.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày: Trong quá trình hoạt động kinh doanh bà H1 không hề đưa các khoản thu chi vào báo cáo tài chính. Vào thời điểm bà H1 chuyển tiền trả nợ hơn 500 triệu đồng thì trong tài khoản của chi nhánh và công ty C còn hơn 800 triệu đồng nhưng bà H1 phải đi vay ông B là không hợp lý.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:

- Về tố tụng: Hội đồng xét xử phúc thẩm tiến hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Tòa án cấp sơ thẩm xét xử có căn cứ, đúng quy định pháp luật. Bị đơn kháng cáo nhưng không cung cấp được tài liệu chứng cứ chứng minh cho yêu cầu kháng cáo của mình. Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét thẩm tra, kết quả hỏi, tranh tụng tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các chứng cứ, ý kiến của các đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên,

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Đơn kháng cáo của bà Nguyễn Thị Yến H1 làm trong hạn luật định, hợp lệ nên được Hội đồng xét xử xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về nội dung:

[2.1] Nguyên đơn ông Lê Hồng P, ông Trần Phi Đ khởi kiện yêu cầu bà Nguyễn Thị Yến H1 - Chủ tịch Hội đồng quản trị đồng thời là Giám đốc, chịu trách nhiệm trực tiếp quản lý công ty hoàn trả lại số tiền 250.000.000 đồng chuyển từ tài

khoản Công ty Cổ phần T2 sang cho cá nhân bà Nguyễn Thị Thùy T, không vì mục đích kinh doanh, hoạt động của công ty.

Bị đơn bà Nguyễn Thị Yến H1 không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn với lý do số tiền 250.000.000 đồng được chuyển trả cho khoản vay của Công ty T2. Theo bà Y trình bày Công ty T2 đã mượn của ông Bùi Văn B số tiền 250.000.000 đồng để phục vụ cho hoạt động kinh doanh. Đến đầu năm 2021, ông B có nhu cầu lấy lại khoản tiền này nên đã yêu cầu Công ty T2 hoàn trả, tuy nhiên lúc này Công ty T2 không đủ số tiền nêu trên để trả nên đã mượn của bà Nguyễn Thị Thùy T số tiền 150.000.000 đồng để trả cho ông B vào ngày 01/02/2021. Ông B xác nhận đã nhận đủ số tiền này. Sau đó, ông B yêu cầu hoàn trả số tiền còn lại (100.000.000 đồng) nên ngày 04/01/2022, Công ty T2 đã mượn tiếp của bà T số tiền 100.000.000 đồng để trả cho ông B. Tổng số tiền mà Công ty D của bà T là 250.000.000 đồng. Đến ngày 10/8/2022 Công ty T2 đã trả cho bà T thông qua 02 ủy nhiệm chi tại Ngân hàng V1 - Chi nhánh T3.

[2.2] Xét thấy, nguyên đơn, bị đơn thống nhất xác định Công ty Cổ phần T2 được thành lập ngày 28/5/2019, có 03 cổ đông là ông Lê Hồng P, ông Trần Phi Đ và bà Nguyễn Thị Yến H1, mỗi người cùng sở hữu 30.000 cổ phần, tương đương 300.000.000 đồng, chiếm 33,33% vốn điều lệ; bà Nguyễn Thị Yến H1 được bầu làm Chủ tịch Hội đồng quản trị đồng thời là Giám đốc công ty.

Theo quy định tại khoản 2 Điều 38 Điều lệ Công ty T2: Hội đồng quản trị chấp thuận các hợp đồng và giao dịch có giá trị nhỏ hơn 50% tổng giá trị tài sản doanh nghiệp ghi trong báo cáo tài chính gần nhất. Người đại diện theo pháp luật phải gửi đến các thành viên Hội đồng quản trị, niêm yết tại trụ sở chính, chi nhánh của công ty D1 hợp đồng hoặc thông báo nội dung chủ yếu của giao dịch. Hội đồng quản trị quyết định việc chấp thuận hợp đồng trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày niêm yết; thành viên có lợi ích liên quan không có quyền biểu quyết.

Bà H1 nhân danh Giám đốc Công ty T2 ký hợp đồng mượn tiền của ông B, bà T với số tiền 250.000.000 đồng thuộc trường hợp phải được Hội đồng quản trị chấp thuận các hợp đồng và giao dịch có giá trị nhỏ hơn 50% tổng giá trị tài sản doanh nghiệp ghi trong báo cáo tài chính gần nhất. Tuy nhiên, bà H1 không báo cáo với Hội đồng quản trị, không thể hiện trên báo cáo tài chính của công ty, không xuất trình được tài liệu, chứng cứ hợp lệ chứng minh về việc sử dụng số tiền này vào hoạt động kinh doanh của công ty.

Vì vậy, yêu cầu của các nguyên đơn về việc buộc bà H1 hoàn trả lại số tiền 250.000.000 đồng cho Công ty T2 là có cơ sở, phù hợp với quy định tại Điều lệ Công ty T2 và khoản 4 Điều 162, khoản 2 Điều 165 của Luật Doanh nghiệp năm

2020. Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở, đúng quy định pháp luật. Kháng cáo của bà Nguyễn Thị Yến H1 không có cơ sở chấp nhận; cần giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[3] Do kháng cáo không được chấp nhận nên bà Nguyễn Thị Yến H1 phải chịu án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Không chấp nhận kháng cáo của bà Nguyễn Thị Yến H1. Giữ nguyên Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 43/2024/KDTM-ST ngày 22 tháng 3 năm 2024 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Áp dụng Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 162 và 165 Luật Doanh nghiệp năm 2020; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, giữ, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn ông Lê Hồng P, ông Trần Phi Đ về việc: Buộc bà Nguyễn Thị Yến H1 bồi thường thiệt hại cho Công ty Cổ phần T2 đối với những thiệt hại phát sinh do hành vi vi phạm trách nhiệm quản lý công ty với số tiền tạm tính là 62.887.500 đồng. Số tiền cụ thể mà bà Nguyễn Thị Yến H1 phải bồi thường được xác định theo bản án, quyết định của Tòa án nhân dân có thẩm quyền; Buộc bà Nguyễn Thị Yến H1 thực hiện đúng các nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật – Giám đốc Công ty Cổ phần T2 được quy định tại Luật Doanh nghiệp, các văn bản hướng dẫn và điều lệ công ty, cụ thể: Tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị; Tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh và phương án đầu tư của công ty; Điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của công ty theo đúng quy định của pháp luật, điều lệ công ty, hợp đồng lao động ký với công ty, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị; Đại diện cho công ty với tư cách bị đơn trước Tòa án; Thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp tối đa của công ty.

2/. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn ông Lê Hồng P, ông Trần Phi Đ.

2.1/. Buộc bà Nguyễn Thị Yến H1 bồi thường thiệt hại số tiền 250.000.000 (Hai trăm năm mươi triệu) đồng cho Công ty Cổ phần T2.

2.2/. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

3/. Án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Nguyễn Thị Yến H1 phải chịu án phí là 12.500.000 (Mười hai triệu năm trăm nghìn) đồng.

Ông Lê Hồng P, ông Trần Phi Đ được hoàn lại tiền tạm ứng án phí đã nộp là 7.822.188 (Bảy triệu tám trăm hai mươi hai nghìn một trăm tám mươi tám) đồng theo Biên lai thu số AA/2021/0004318 ngày 16/3/2023 của Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

4/. Về án phí dân sự phúc thẩm:

Bà Nguyễn Thị Yến H1 phải chịu 2.000.000 đồng; được khấu trừ 2.000.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0032932 ngày 25/4/2024 của Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh vào phần án phí phải chịu. Đương sự đã thực hiện xong.

5/. Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

6/. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi

nhận:

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- Tòa án nhân dân tối cao;

- VKSND cấp cao tại TP.HCM;

- TAND TP.HCM;

- VKSND TP.HCM;

- Cục THADS TP.HCM;

- Đương sự (6);

- Lưu VP(5), HS(2).18b.NTT

Hoàng Thanh Dũng